

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH MỨC THU HỌC PHÍ HỌC SINH SINH VIÊN
TỪ NĂM HỌC 2024 – 2025 ĐẾN NĂM HỌC 2027-2028**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-BCT, ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 3775/BCT-KHTC ngày 04/6/2024 của Bộ Công Thương về việc triển khai Thông tư 24/2024/TT-BTC và phổ biến Pháp lệnh xử phạt trong lĩnh vực kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Quý II/2024 của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ngày 17/6/2024.

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức thu học phí học sinh sinh viên năm học 2024 – 2025 đến năm học 2027-2028 cho các trình độ cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC) như sau:

1. Thu học phí theo niên chế

Đơn vị tính: đồng/tháng

| TT | Nhóm ngành, nghề đào tạo | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 | Năm học 2026-2027 | Năm học 2027-2028 |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | | TC, CĐ | TC, CĐ | TC, CĐ | TC, CĐ |
| 1 | Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh | 1.187.000 | 1.365.000 | 1.570.000 | 1.806.000 |
| 2 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 1.430.000 | 1.645.000 | 1.892.000 | 2.176.000 |
| 3 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 1.430.000 | 1.645.000 | 1.892.000 | 2.176.000 |

Mức học phí thu theo niên chế được tính theo tháng, thu học phí theo học kỳ.

- Đối với trình độ cao đẳng: Thu học phí 06 học kỳ.

- Đối với trình độ trung cấp: Thu học phí 04 học kỳ.

- Đối với trình độ cao đẳng liên thông (từ trung cấp): Thu học phí 03 học kỳ.

2. Học phí đào tạo theo tín chỉ

Mức học phí thu theo tín chỉ được xác định cụ thể như sau:

ĐVT: đồng/ Tín chỉ

| TT | Nhóm ngành, nghề đào tạo | Năm học | Năm học | Năm học | Năm học |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | 2024-2025 | 2025-2026 | 2026-2027 | 2027-2028 |
| | | TC, CĐ | TC, CĐ | TC, CĐ | TC, CĐ |
| 1 | Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh | 355.000 | 410.000 | 475.000 | 550.000 |
| 2 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 430.000 | 495.000 | 570.000 | 660.000 |
| 3 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 430.000 | 495.000 | 570.000 | 660.000 |

3. Học phí các lớp cao đẳng, trung cấp học ngoài giờ hành chính

Được tính bằng 1,2 lần mức học phí qui định tại Khoản 1 và 2.

4. Học phí đối với các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội, doanh nghiệp

Thực hiện theo thỏa thuận giữa Nhà trường và đơn vị, cá nhân có nhu cầu đào tạo được Hiệu trưởng thống nhất phê duyệt nhưng không cao hơn mức trần học phí được quy định tại Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023.

5. Học phí đối với các lớp đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên, chương trình đào tạo chất lượng cao.

Tùy theo nhu cầu của người học, các địa điểm đào tạo Hiệu trưởng quy định mức thu học phí phương thức giáo dục thường xuyên không quá 150% mức thu theo phương thức chính quy.

Mức học phí chương trình chất lượng cao được xác định trên cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình hoặc thỏa thuận với đối tác (với các chương trình hợp tác đào tạo).

6. Chính sách miễn giảm học phí

Chính sách miễn giảm học phí được thực hiện căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 ; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và các quy định hiện hành của nhà nước. Các chính sách miễn giảm khác được Hiệu trưởng quy định căn cứ vào quy định của Pháp luật hiện hành.

Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp (Bộ phận chăm sóc người học) căn cứ vào các quy định hiện hành của nhà nước và các nghị quyết của Hội đồng trường, Hiệu trưởng để ban hành các quy định miễn giảm học phí phù hợp.

Điều 2. Nguyên tắc thu

- Phòng Quản lý đào tạo ra Thông báo thu học phí từng học kỳ, trong đó ghi rõ cụ thể từng nhóm ngành và mức thu căn cứ theo Quyết định này.

- Đối với thu học phí theo tín chỉ: Thu theo số tín chỉ đăng ký hoặc được mở trong học kỳ.

- Thời hạn nộp học phí: Tối đa 30 ngày kể từ ngày thông báo.

- Phương thức thu học phí: Theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực và triển khai thực hiện từ học kỳ 1 năm học 2024 – 2025.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Kế hoạch – Tài chính, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, các đơn vị có liên quan và học sinh sinh viên toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TKQ*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLĐT. NC.



Trần Kim Quyên